

## Tư tưởng “Thần linh pháp quyền” của Hồ Chí Minh nhìn từ bản “Yêu sách của nhân dân An Nam” và sự vận dụng vào công cuộc xây dựng Nhà nước Việt Nam trong giai đoạn hiện nay

Ho Chi Minh's thought "the rule of law spirit" seen from the "Declaration of the people of Annam" and its application to the construction of Vietnamese state in the current period

Nguyễn Hữu Phúc<sup>a\*</sup>, Nguyễn Thị Kim Bài<sup>b,c</sup>  
Nguyen Huu Phuc<sup>a\*</sup>, Nguyen Thi Kim Bai<sup>b,c</sup>

<sup>a</sup>Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam  
<sup>a</sup>Historical Association, Thua Thien Hue, Vietnam

<sup>b</sup>Viện Nghiên cứu và Phát triển Công nghệ Cao, Trường Đại học Duy Tân, Đà Nẵng, Việt Nam

<sup>b</sup>Institute of Research and Development, Duy Tan University, Da Nang, 550000, Vietnam

<sup>c</sup>Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Duy Tân, Đà Nẵng, Việt Nam

<sup>c</sup>Faculty of Social Sciences and Humanities, Duy Tan university, Da Nang, 550000, Vietnam

(Ngày nhận bài: 13/11/2021, ngày phân biện xong: 22/02/2022, ngày chấp nhận đăng: 12/02/2022)

### Tóm tắt

Một trong những nguyên tắc nền tảng của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là bộ máy nhà nước phải vận hành theo tinh thần thượng tôn pháp luật với mục tiêu cao nhất là phục vụ lợi ích quốc gia, dân tộc. Nhận thức rõ về điều này, Chủ tịch Hồ Chí Minh từ rất sớm đã đề cao vai trò hiến pháp và pháp luật. Vì thế, ngay tại Hội nghị Versailles, Người gửi đến bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* và nhấn mạnh: “Trăm điều phải có thần linh pháp quyền”. Trong khuôn khổ bài viết, tác giả tập trung làm rõ những vấn đề liên quan về tư tưởng “Thần linh pháp quyền” trong bản *Yêu sách của nhân dân An Nam*, từ đó, rút ra được bài học kinh nghiệm trong việc xây dựng đất nước, góp phần thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới của đất nước theo mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

*Từ khoá:* Bản Yêu sách của nhân dân An Nam; Nguyễn Ái Quốc; Thần linh pháp quyền; Việt Nam.

### Abstract

One of the fundamental principles of the socialist rule of law state is that the state apparatus must operate in the spirit of respecting the law with the highest goal of serving the interests of the country and nation. Well aware of this, President Ho Chi Minh has soon emphasized the role of the constitution and the law. Therefore, right at the Versailles Conference, he sent a copy of the Claims of the people of Annam and emphasized: "One hundred things must have the rule of law spirit". In this article, the author focuses on clarifying issues related to the idea of "divine rule of law" in the "Declaration of the people of Annam", and draws some lessons in building the country, contributing to the successful implementation of the renovation work of the country according to the goal of "rich people, strong country, democracy, justice and civilization".

*Keywords:* The claims of the people of Annam; Nguyen Ai Quoc; the rule of law spirit; Vietnam.

\* Corresponding Author: Nguyễn Hữu Phúc; Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam  
Email: thienphuc2509history@gmail.com

## 1. Đặt vấn đề

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống những quan điểm toàn diện, sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, không chỉ giải quyết vấn đề thuộc về tư duy lí luận mà còn tư duy hành động, nhằm giải quyết những vấn đề đang đặt ra đối với sự phát triển của nước ta. Tư tưởng của Người được hình thành và phát triển trên cơ sở kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu và vận dụng sáng tạo tinh hoa văn hoá nhân loại mà đỉnh cao là chủ nghĩa Mác - Lênin. Giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành nền tảng lí luận, định hướng cho Đảng Cộng sản Việt Nam xây dựng đường lối đúng đắn, tổ chức lực lượng cách mạng và dẫn dắt nhân dân đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Khẳng định giá trị to lớn của tư tưởng Hồ Chí Minh thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhận định: “Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động”. Có thể nói, đây là bước phát triển lớn trong tư duy, nhận thức và hoạt động thực tiễn, nền tảng tư tưởng của Đảng, không chỉ đảm bảo sự thống nhất tư tưởng của toàn Đảng mà còn thể hiện rõ ý chí kiên định trong cuộc đấu tranh chống lại những luận điệu sai trái, xuyên tạc tư tưởng Hồ Chí Minh.

“Thần linh pháp quyền” là điểm đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh vì Người đã thấy được việc điều hành xã hội bằng pháp luật là một phương thức rất dân chủ, tiến bộ và một biểu hiện cao nhất của một xã hội hiện đại. Đây được xem là yếu tố cốt lõi, bản chất nhất của nhà nước pháp quyền mà pháp luật giữ vị trí tối cao, chi phối và điều hành xã hội. Nói một cách khác, “Thần linh pháp quyền” là ý thức, tinh thần pháp luật phải chi phối, đóng vai trò chủ đạo đối với hoạt động bộ máy chính quyền và

mọi mặt lĩnh vực trong đời sống xã hội. Việc tìm hiểu, nghiên cứu tư tưởng “Thần linh pháp quyền” qua bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* của Hồ Chí Minh có ý nghĩa thiết thực đối với việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

## 2. Về bản “Yêu sách của nhân dân An Nam” (6/1919)

Hoàn cảnh ra đời: Với mục tiêu xuất dương để tìm kiếm con đường cứu nước cho dân tộc, từ năm 1911, Người đã theo các tàu buôn đi đến nhiều nước chính quốc và thuộc địa ở châu Á, châu Âu, châu Phi và châu Mỹ. Qua những chuyến đi, Người tranh thủ mọi thời cơ để học hỏi, nghiên cứu các học thuyết cách mạng, hòa mình vào thực tiễn đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở các nước tư bản và thuộc địa, từ đó Người đã bổ sung được cho mình những lí luận cách mạng vô cùng phong phú với nhãn quan chính trị mới mẻ. Từ thực tế sinh động đã giúp Người đồng cảm và nhận thức rõ: “*Dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột. Mà cũng chỉ có một mối tình hữu ái là thật mà thôi: tình hữu ái vô sản*” [8, 2011: 287]. Kết luận trên vô cùng quan trọng, là khởi đầu của tư tưởng đoàn kết quốc tế giữa giai cấp công nhân với người bị áp bức trên toàn thế giới. Đây là một trong những cơ sở để sau này Người đến với chủ nghĩa Mác - Lênin qua sự tiếp xúc với *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa*. Năm 1917, Người trở lại nước Pháp để hoạt động cách mạng. Tại Pháp, Người vừa lao động, vừa tham gia phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân, nhân dân lao động Pháp, nhân dân các nước thuộc địa, đồng thời nghiên cứu kinh nghiệm cách mạng các nước.

Năm 1919, Người quyết định gia nhập Đảng Xã hội Pháp, tham gia sinh hoạt ở các câu lạc bộ của đảng này, tập diễn thuyết trước đám đông, tập viết báo để tố cáo tội ác của thực dân

Pháp ở các nước thuộc địa, nhất là ở Đông Dương. Người còn tích cực vận động Việt kiều ở Pháp tham gia “Hội những người Việt Nam yêu nước” để tuyên truyền và giáo dục, lãnh đạo họ đấu tranh đòi hỏi hương cho những người Việt Nam bị cưỡng bức sang Pháp trong những năm diễn ra Chiến tranh thế giới thứ nhất.

Sau khi Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc, ngày 18/6/1919, đại biểu các nước đế quốc tham gia chiến tranh họp Hội nghị Versailles<sup>1</sup> để giải quyết những hậu quả của chiến tranh và thiết lập một trật tự thế giới mới sau chiến tranh. Người thay mặt Hội những người yêu nước Việt Nam tại Pháp, cùng Phan Châu Trinh, Phan Văn Trường thảo bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* gửi tới Hội nghị Versailles. Bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* được luật sư Phan Văn Trường viết bằng tiếng Pháp (vì lúc này Nguyễn Ái Quốc chưa thạo tiếng Pháp); dưới bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* ký tên: Nguyễn Ái Quốc. Đây là lần đầu tiên tên gọi Nguyễn Ái Quốc xuất hiện, đánh dấu sự khởi đầu của một hành trình đấu tranh cách mạng và điểm khởi đầu đó đã gây chấn động nước Pháp và thế giới.

Một trong những nhân tố tác động khiến Người khởi thảo ra bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* là việc Tổng thống Mĩ W. Wilson công bố Chương trình 14 điểm vào ngày 8/1/1918 nhằm mục đích “muốn vươn lên làm bá chủ thế giới sau chiến tranh nhân cơ hội các nước đồng minh suy yếu và châu Âu kiệt quệ” [1, 2016: 65-66]. Trong đó, điểm thứ năm được Người chú ý đến: “Một sự đánh giá có tính chất tự do, cởi mở và hoàn toàn không thiên vị về những yêu sách thuộc địa dựa trên sự tuân thủ chặt chẽ nguyên tắc rằng khi quyết định các vấn đề về

*chủ quyền, lợi ích các người dân liên quan phải có trọng lượng ngang với những đòi hỏi hợp lý của các chính phủ muốn yêu sách các thuộc địa đó*” [6]. Căn cứ từ luận điểm này, Người kiên quyết đấu tranh để dành quyền tự quyết, những yêu cầu về độc lập, tự do của các dân tộc thuộc địa phải được chính quyền thuộc địa chấp thuận. Sau đó đến năm 1922, Nguyễn Ái Quốc đã chuyển thể bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* qua thể thơ lục bát và song thất lục bát với tên gọi *Việt Nam yêu cầu ca*, nhằm mục đích truyền bá rộng rãi trong nhân dân.

Về nội dung: bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* (còn có tên gọi khác là “Quyền của các dân tộc đòi các quyền tự do, dân chủ và quyền bình đẳng của dân tộc Việt Nam” hay bản “*Yêu sách tám điểm của nhân dân An Nam*”) có nội dung cơ bản như sau:

“1. *Tổng ân xá cho tất cả những người bản xứ bị án tù chính trị;*

2. *Cải cách nền pháp lý ở Đông Dương bằng cách cho người bản xứ cũng được quyền hưởng những đảm bảo về mặt pháp luật như người Âu châu; xóa bỏ hoàn toàn các tòa án đặc biệt dùng làm công cụ để khủng bố và đàn áp bộ phận trung thực nhất trong nhân dân An Nam;*

3. *Tự do báo chí và tự do ngôn luận;*

4. *Tự do lập hội và hội họp;*

5. *Tự do cư trú ở nước ngoài và tự do xuất dương;*

6. *Tự do học tập, thành lập các trường kỹ thuật và chuyên nghiệp ở tất cả các tỉnh cho người bản xứ;*

7. *Thay chế độ ra sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật;*

8. *Đoàn đại biểu thường trực của người bản xứ, do người bản xứ bầu ra, tại Nghị viện Pháp để giúp cho Nghị viện biết được những nguyện vọng của người bản xứ*” [8, 2011: 469-470].

<sup>1</sup> Hội nghị Versailles là hội nghị do 27 nước thắng trận trong phe Hiệp ước tổ chức, khai mạc vào ngày 18/6/1919 và kéo dài trong 5 tháng. Năm cường quốc tham gia điều hành hội nghị là Mĩ, Anh, Pháp, Italia và Nhật Bản nhưng thực sự nắm quyền quyết định Hội nghị là Tổng thống Mĩ W. Wilson, Thủ tướng Anh Lloyd George, Thủ tướng Pháp G. Clemenceau.

Có thể nói, bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* như một yêu cầu tha thiết, một tiếng nói đại diện của một người dân xứ thuộc địa đòi các quyền cơ bản, chính đáng cho chính đất nước mình tại một hội nghị quốc tế diễn ra ngay chính đất nước đã đi xâm lược Việt Nam. Thực chất, bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* cũng mới chỉ dừng ở sự “đòi hỏi” thực dân Pháp “lông tay” hơn trong chính sách cai trị và “không có gì quá đáng” về các vấn đề chính trị.

Kết quả: Tại Hội nghị Versailles, bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* không được Chính phủ Pháp chấp thuận, bởi Hội nghị Versailles là nơi bàn về việc chia lại thị trường thuộc địa, chứ không phải là nơi giải quyết các yêu sách của một dân tộc thuộc địa. Ngay sau khi Nguyễn Ái Quốc gửi bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* đến trưởng đoàn các nước dự Hội nghị, thực dân Pháp đã lồng lộn lên. Người Pháp đã phản đối ngay bằng một bài báo có nhan đề “Giờ phút nghiêm trọng” để chỉ trích bản *Yêu sách của nhân dân An Nam*, với lời lẽ thật thô bạo: “*Làm sao một người dân thuộc địa lại có thể dùng bản yêu sách của nhân dân để công kích Chính phủ Pháp. Thật là quá quá. Cứ theo đà này thì bọn dân thuộc địa sẽ lên ngang hàng với người Pháp chúng ta và sớm trở thành ông chủ của chúng ta. Không được, phải kìm giữ chúng mãi mãi trong vòng nô lệ*” [1, 2011: 523]. Đáp trả lại, Nguyễn Ái Quốc viết bài báo “*Tâm địa thực dân*”.

Để tích cực tuyên truyền và đấu tranh, Người đã gửi bản yêu sách này đến các nhân vật quan trọng trong Quốc hội Pháp và Tổng thống Pháp, Người còn gửi riêng bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* cho từng đoàn đại biểu tham gia Hội nghị Versailles. Chưa dừng lại ở đó, Người còn “*tự bỏ tiền riêng để thuê in Bản yêu sách dưới dạng truyền đơn. Người đã phân phát truyền đơn trên đường phố và trong các cuộc mít tinh ở Pari. Người còn phát truyền đơn cho những Việt kiều và binh lính Việt Nam*

*đang sống ở Pháp*” [10, 2012: 42]. Nhờ đó, một số đông người Pháp đã hiểu thêm về Việt Nam, nhất là những trí thức trong Quốc hội Pháp và Người đã làm quen với hầu hết nghị viên trong Quốc hội Pháp, nhiều trí thức nổi tiếng ở Paris. Người còn gặp được ông Jean Longuet là cháu ngoại C.Mác và chủ biên của tờ báo “*Dân chúng*”, thông qua đó, Người đã được sự giúp đỡ tận tình của ông. Không chỉ khuyến khích Người viết báo, ông Jean Longuet còn giúp về phương pháp viết báo, từ đó, Người đã trở thành một nhà báo thực thụ, sử dụng chính ngòi bút của mình để trực tiếp viết bài mà không phải nhờ Phan Văn Trường viết thay như trước. Cũng từ thời điểm này, Người bắt đầu sự nghiệp cách mạng của mình một cách bài bản hơn, phù hợp với nguyên tắc phương pháp luận mà Người đã rút ra trong quá trình học tập và hoạt động thực tiễn cách mạng. Mặc cho lực lượng mật thám Pháp đe dọa hay dụ dỗ, mua chuộc, Nguyễn Ái Quốc vẫn kiên trì hoạt động, càng tiếp cận chân lý cách mạng hơn và cuối cùng Người đã đến với Lênin, tin tưởng và đi theo con đường cách mạng Nga qua bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa* do chính Lênin viết.

Và cũng để khẳng định những yêu cầu của nhân dân An Nam gửi đến Hội nghị Versailles là hoàn toàn chính đáng, trong tờ Nhân đạo (ngày 2/8/1919) với bài “*Vấn đề dân bản xứ*”, Người nhấn mạnh: “*...bản thỉnh cầu của những người An Nam gửi Hội nghị hoà bình đòi ân xá cho tất cả các tù chính trị người bản xứ, đòi cải cách pháp chế ở Đông Dương bằng ban hành những bảo đảm cho người bản xứ cũng như cho người Âu, đòi tự do báo chí và hội họp, tự do dạy học, đòi thay thế chế độ sắc lệnh bằng chế độ pháp luật; và sau cùng, đòi có một đoàn đại biểu thường trực của dân bản xứ, được bầu vào Nghị viện Pháp. Chúng tôi chỉ có thể coi các yêu sách rất đúng đắn đó cũng là của chính mình, trong thời đại mà ý muốn của nhân dân là nắm quyền tự quyết*” [8, 2011: 10]. Cũng cần

nói thêm rằng, nhờ bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* gửi đến Hội nghị Versailles, Nguyễn Ái Quốc đã có trong tay một phương tiện có thể xem như một vũ khí chiến đấu, một mặt để tuyên truyền cách mạng cho nhân dân thế giới và dân tộc Việt Nam, kể cả nhân dân Pháp, mặt khác nhằm tố cáo kẻ thù xâm lược, những âm mưu thủ đoạn bóc lột của thực dân Pháp mà lâu nay chúng vẫn tìm cách che giấu.

Về ý nghĩa: bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* mặc dù bị các nước đế quốc thẳng trợn trong đó có Pháp không hề đếm xỉa đến” [11, 2016: 142] nhưng nó đã có “tác dụng như một quả bom chính trị làm chấn động dư luận... đã phá bức tường bưng bít của chủ nghĩa thực dân và đã liên hệ được với phong trào cách mạng ở Pháp và trên thế giới” [3, 2011: 6]. Nhà sử học Pháp Charles Fourniau đã viết về sự kiện này như sau: “Từ ngày Nguyễn Ái Quốc gửi bản yêu sách đến Hội nghị thì Việt kiều hướng cả về anh... Việt kiều tìm đến với Nguyễn Ái Quốc để được anh khuyến bảo, giao nhiệm vụ... và vạch cho họ thấy cần phải đi theo con đường nào. Vậy từ Paris, Nguyễn Ái Quốc đã gieo hạt giống cho cách mạng khắp bốn phương trời” [5]. Có thể nói, sự kiện gửi bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* đến Hội nghị Versailles đã có tác dụng vô cùng to lớn về chính trị, đánh dấu một giai đoạn mới trong phong trào giải phóng dân tộc ở nước ta, đồng thời, nó đánh dấu một giai đoạn mới trong sự nghiệp cách mạng của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, tạo ra bước ngoặt đầu tiên mang tính tất yếu lịch sử của sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc.

### **3. Tư tưởng “Thần linh pháp quyền” trong bản *Yêu sách của nhân dân An Nam***

Nhìn lại quá trình hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ta có thể thấy tư tưởng “Thần linh pháp quyền” không phải là một ý tưởng mang tính nhất thời để ứng phó với tình hình nội trị, ngoại giao phức tạp lúc bấy giờ,

mà ngược lại, chính sự khảo nghiệm thực tế từ cuộc đấu tranh của các dân tộc, tiếp thu các trào lưu tư tưởng tiên bộ của thời đại để Người đưa ra nhận định này. Trong suốt những ngày hoạt động gian nan ấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm nhận thấy giá trị, thấy được mối quan hệ hữu cơ giữa quyền làm chủ xã hội, quyền dân chủ, tự do của nhân dân với hiến pháp và các đạo luật, thấy được vai trò của hiến pháp trong việc điều hành và quản lí đất nước, làm thay đổi tính chất của một chế độ chính trị từ chuyên chế, độc tài sang một nền chính trị dân chủ.

Việc bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* được Nguyễn Ái Quốc mạnh dạn gửi đến hội nghị, một mặt, như một sự đấu tranh chống lại những lời lẽ mỹ miều về “dân chủ”, “quyền dân tộc tự quyết” mà Tổng thống Mỹ Wilson đã đưa ra trong chương trình 14 điểm để làm cơ sở cho Hội nghị này; mặt khác, nhằm đòi cải cách nền pháp lý ở Đông Dương, dành cho người bản xứ cũng được hưởng những đảm bảo về mặt pháp luật như người châu Âu, và đặc biệt, đòi “thay chế độ ra các sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật” (*Yêu sách thứ 7*). Có thể thấy, bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* đã thể hiện rõ ý thức đề cao, khẳng định vị trí, tầm quan trọng của pháp luật, các đạo luật đối với đời sống của một dân tộc, một xã hội bình đẳng, tự do. Khi đề cập đến việc thay các sắc lệnh bằng các đạo luật, Nguyễn Ái Quốc nhấn mạnh cần thiết phải thay đổi phương thức ra các sắc lệnh bằng phương thức làm ra các đạo luật. Nói cách khác, Nguyễn Ái Quốc đã đặt ra vấn đề cần thay thế thể chế nhà nước bằng con đường dân chủ hóa.

Không phải ngẫu nhiên trong bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* có đề cập đến yêu sách đòi “*thay chế độ ra các sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật*” mà điều này hoàn toàn có cơ sở. Xét về mặt thể chế chính trị, chế độ ra sắc lệnh và chế độ ra đạo luật hoàn toàn khác nhau, phản ánh hai mô hình tổ chức nhà nước khác nhau.

Trong điều kiện cụ thể của chế độ nhà nước Pháp lúc bấy giờ, người đứng đầu Liên bang Đông Dương là Toàn quyền có quyền ban hành các nghị định, quyền ra sắc lệnh thuộc Tổng thống Pháp. Các nghị định, sắc lệnh của Toàn quyền Đông Dương là những văn bản hành chính được ban hành nhằm thể hiện tính cường quyền, độc tài cá nhân. Còn quyền ra các đạo luật thuộc Quốc hội, phải có sự bàn bạc và chấp thuận giữa cả Thượng viện và Hạ viện, rõ ràng mang tính dân chủ hơn. Để đảm bảo các quyền dân chủ của người dân, bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* còn muốn Chính phủ Pháp cho phép “*đoàn đại biểu thường trực của dân bản xứ, được bầu vào Nghị viện Pháp*” [8, 2011: 10]. Như vậy, người bản xứ thuộc Liên bang Đông Dương có quyền được bầu cử vào cơ quan Quốc hội Pháp, được cử tri trong cả nước bầu ra làm các đại biểu tại Hạ viện Pháp để thay mặt nhân dân An Nam, làm ra các đạo luật mà có sự phê chuẩn của cả hai viện. “*Đây chính là một cải cách lớn về mặt chính trị theo hướng dân chủ hoá một bước cơ bản, nâng vị trí của các xứ thuộc địa lên ngang với chính quốc, nâng địa vị dân thuộc địa lên ngang vị trí công dân Pháp ở chính quốc*” [2]. Vì những yêu cầu bênh vực quyền của các dân tộc, thể hiện sự tôn trọng lẫn nhau, bình đẳng giữa thuộc địa với chính quốc trong bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* nên giới cầm quyền Pháp, trước hết là tầng lớp quan lại thuộc địa kịch liệt lên tiếng chống đối, phê phán bản *Yêu sách của nhân dân An Nam*.

Năm 1922, Người đã dịch bản yêu sách này sang tiếng Việt dưới dạng thơ lục bát và đặt tiêu đề “Việt Nam yêu cầu ca”, trong đó yêu cầu “*Thay chế độ ra sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật*” được viết như sau:

“Bây xin Hiến pháp ban hành;

Trăm điều phải có thần linh pháp quyền”

Dưới hình thức hai câu ca dao, Nguyễn Ái Quốc đã thể hiện một cách độc đáo khi lột tả

hết giá trị cốt lõi, tinh túy của một nhà nước pháp quyền: đó là tinh thần thượng tôn hiến pháp. Nếu xét về mặt câu chữ, vấn đề đặt ra có vẻ nôm na, giản dị, mang tính bình dân nhưng ý nghĩa lại vô cùng quan trọng, trở thành điều tâm niệm, sự trăn trở về nhà nước pháp quyền của Hồ Chí Minh. Có thể nói, đây là lần đầu tiên trong văn học sử Việt Nam xuất hiện khái niệm “*pháp quyền*” và “*pháp quyền*” ở đây lại được nâng lên thành “*thần linh*”, đồng thời là nét đặc sắc trong tư duy của Hồ Chí Minh khi sử dụng chữ “*thần linh*” - khái niệm linh thiêng, để làm nổi bật tính chất của “*pháp quyền*”.

Hay nói cách khác, tư tưởng “Thần linh pháp quyền” muốn nhấn mạnh đến ý nghĩa và vai trò của pháp luật, của hiến pháp trong đời sống xã hội. Nhìn từ góc độ này, có thể nói Nguyễn Ái Quốc đã tìm ra được một cách thể hiện rất độc đáo để nói lên ý nghĩa linh thiêng, tôn quý mà lại rất gần gũi, dễ cảm nhận đối với số đông người Việt Nam. Đến đây, chúng ta lại được thấy một phương diện hết sức đặc sắc trong tư duy Hồ Chí Minh: luôn luôn tìm được cách thể hiện riêng, rất độc đáo như chỉ cho riêng mình mà lại rất gần gũi, dễ tiếp thu, trở nên dễ nhớ, dễ thuộc và dễ làm theo đối với nhiều người.

Ngay sau khi Việt Nam giành được độc lập vào năm 1945, tư tưởng “Thần linh pháp quyền” của Hồ Chí Minh từ bản “*Yêu sách của nhân dân An Nam*” năm 1919 tiếp tục được thể hiện rõ nét trong quá trình xây dựng và ban hành hiến pháp năm 1946, đồng thời khẳng định về mặt pháp lý - nhà nước Việt Nam là một quốc gia độc lập, có chủ quyền và hiến pháp cũng chính là “*phương tiện*” nhằm bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia. Ngày 3/9/1945, dưới sự chủ trì của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chính phủ lâm thời Việt Nam đã họp phiên họp đầu tiên và xác định nhiệm vụ quan trọng bậc nhất là tổ chức Tổng tuyển cử bầu Quốc hội để xây dựng cho nước Việt Nam một bản hiến

pháp. Tại phiên họp này, Người đã nói rằng: “*Trước chúng ta đã bị chế độ quân chủ chuyên chế cai trị, rồi đến chế độ thực dân không kém phần chuyên chế, nên nước ta không có hiến pháp. Nhân dân ta không được hưởng quyền tự do dân chủ. Chúng ta phải có một hiến pháp dân chủ. Tôi đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu*” [9, 2011: 7]. Để thực hiện nhiệm vụ này, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương tổ chức cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên của nước Việt Nam độc lập (6/1/1946) bằng chế độ phổ thông đầu phiếu để bầu Quốc hội khóa I, thành lập Chính phủ chính thức; thông qua hiến pháp năm 1946 - bản hiến pháp đầu tiên của nước nhà tại kỳ họp thứ 2 của Quốc hội khóa I (9/11/1946). Về cơ bản, bản hiến pháp năm 1946 khẳng định những quyền hợp pháp của công dân sau một thời gian dài bị kìm hãm bởi sự thống trị của các triều đại phong kiến và gần một thế kỷ đô hộ của thực dân Pháp. Từ đây, người dân Việt Nam đã thực sự được công nhận những quyền cơ bản của con người và chuyển sang vị thế làm chủ đất nước, tuy nhiên, nhà nước phải có trách nhiệm thực hiện những quyền này.

Có thể nói, sự ra đời bản hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam và Chính phủ hợp hiến cùng một hệ thống chính quyền các cấp đại diện cho nhân dân Việt Nam được hình thành theo nguyên tắc vì lợi ích của nhân dân, là nét đặc trưng cơ bản nhất của một nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Đồng thời, bản hiến pháp năm 1946 chính là sức mạnh của tính “pháp quyền” của Nhà nước Việt Nam. Có như thế, Việt Nam mới luôn được dân chủ, ngày càng giàu mạnh và phát triển bền vững.

#### **4. Sự vận dụng tư tưởng “Thần linh pháp quyền” đối với sự nghiệp xây dựng nhà nước Việt Nam trong giai đoạn hiện nay**

Hiện nay, nước ta đang trong quá trình hội nhập một cách sâu rộng, thời cơ và thách thức đan xen, các thách thức về an ninh phi truyền thống và truyền thông... đã, đang và sẽ tác động nhiều chiều, diễn biến phức tạp đến quá trình xây dựng, củng cố, phát triển của nhiều ngành, lĩnh vực, trong đó có việc xây dựng pháp luật. Việc xây dựng pháp luật càng được đề cao và điều chỉnh sẽ tạo điều kiện cho sự phát triển của đất nước và lợi ích của nhân dân được đảm bảo. Để tiếp tục vận dụng một cách đúng đắn tư tưởng “Thần linh pháp quyền” của Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn hiện nay, cần lưu ý những vấn đề sau:

Thứ nhất, vận dụng tư tưởng “Thần linh pháp quyền” của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam cần đề cao tinh thần “thượng tôn pháp luật”, phải đảm bảo xây dựng được một hệ thống pháp luật đồng bộ, toàn diện, thống nhất, công khai, minh bạch phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế-xã hội của đất nước và yêu cầu hội nhập quốc tế sâu rộng. Chỉ đạo chặt chẽ quá trình chuẩn bị và thông qua các dự án luật, bảo đảm quán triệt đường lối, quan điểm của Đảng, tổng kết thực tiễn, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm lập pháp tiên tiến của nước ngoài; tập hợp trí tuệ của các nhà khoa học, các chuyên gia, ý kiến đóng góp của nhân dân, nhất là các đối tượng có liên quan đến việc thi hành pháp luật. Các bộ luật, điều luật đã ban hành cần đảm bảo tính khả thi, dễ hiểu, quy định cụ thể để khắc phục tình trạng phải chờ đợi văn bản hướng dẫn thi hành. Bảo đảm trật tự thứ bậc hiệu lực của các văn bản quy phạm pháp luật, trong đó hiến pháp có hiệu lực cao nhất, các luật không được trái với hiến pháp, văn bản của chính quyền địa phương không được trái với văn bản của trung ương, văn bản của cấp dưới không được trái với văn bản của cấp trên.

Thứ hai, tăng cường xây dựng tính pháp chế hệ thống pháp luật trên cả ba lĩnh vực: xây dựng pháp luật, chấp hành pháp luật và bảo vệ pháp luật. Hệ thống pháp luật phải mang tính nguyên tắc và linh hoạt mềm dẻo, với phương châm tôn trọng pháp luật, tôn trọng nhân dân, coi trọng xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật. Điều kiện tiên quyết để đảm bảo tính pháp chế của hệ thống pháp luật là hoạt động xây dựng pháp luật phải được điều chỉnh bằng luật, cần tuân thủ nghiêm minh pháp luật của cơ quan có thẩm quyền xây dựng pháp luật, đồng thời có chế tài xử lý nghiêm đối với các vi phạm pháp luật trong xây dựng pháp luật, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu và các hiện tượng tiêu cực khác trong bộ máy nhà nước cũng như trong đời sống xã hội.

Thứ ba, cần hoàn thiện hệ thống pháp luật theo hướng hội nhập và kiến tạo phát triển. Với mục tiêu xây dựng một Nhà nước pháp quyền Việt Nam hiện đại, trước tiên phải xây dựng hệ thống pháp luật trong giai đoạn hiện nay mang đặc trưng chủ đạo là hội nhập và kiến tạo phát triển. Để thực hiện biện pháp này, chúng ta cần có một chủ thuyết trong nghiên cứu khoa học pháp lý cũng như trong xây dựng pháp luật. Từng bước chuyển đổi từ tư duy quản lý sang tư duy kiến tạo phát triển trong xây dựng pháp luật.

Thứ tư, phải thường xuyên rà soát và hoàn thiện hệ thống pháp luật, không để tình trạng pháp luật không có giá trị thực thi. Pháp luật phải đủ nội dung cụ thể, cả quy định và thủ tục, trình tự thực hiện để cán bộ, công chức nhà nước và các tổ chức, cá nhân có thể thực hiện thống nhất và hiệu quả. Đối với cán bộ, công chức nhà nước phải tâm niệm thực thi pháp luật nhà nước trên tinh thần là đảm bảo thực hiện quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân chứ không phải vì những ràng buộc của pháp luật mà phải chấp nhận hy sinh quyền và lợi ích của nhân dân. Nếu những cán bộ, công chức nhà nước vi phạm pháp luật thì cần theo nguyên tắc

đã vi phạm phải xử lý, mà xử lý hợp tình, thấu lý; cán bộ càng giữ chức vụ quan trọng nếu vi phạm thì xử lý nghiêm khắc, đấu tranh chống các biểu hiện coi thường pháp luật, kỷ cương, phép nước.

Thứ năm, tăng cường thông tin, tuyên truyền, giải thích, giáo dục pháp luật để nhân dân hiểu và tự giác chấp hành, đồng thời coi trọng giáo dục đạo đức cho đội ngũ đảng viên, cán bộ, công chức nhà nước. Có thể nói, giáo dục, rèn luyện đạo đức cho cán bộ, công chức luôn được xem là một nhiệm vụ quan trọng của công tác xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Chỉ khi từng cán bộ, công chức thực sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, hết lòng vì nước, vì dân, chí công, vô tư thì khi ấy Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam mới thực sự vững mạnh. Bên cạnh đó, mỗi người dân đều phải biết chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật, để không vi phạm và trở thành một công dân có ích cho xã hội. Để làm được điều này, mỗi người cần nêu gương sáng trong tuân thủ và chấp hành pháp luật; hoạt động trong khuôn khổ hiến pháp và pháp luật; am hiểu pháp luật để thi hành nghiêm chỉnh pháp luật.

## 5. Kết luận

Đối với Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, sự kiện gửi bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* tới Hội nghị Versailles là mốc khởi đầu cho hoạt động chính trị của Người trong quá trình hình thành tư tưởng, cũng như giải quyết các vấn đề về dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam. Những điều nêu trong *Yêu sách của nhân dân An Nam* đã chứng minh Người đã chú ý đến xây dựng pháp luật, đến công lý, đến quyền lợi của con người. Và tư tưởng “trăm điều phải có thần linh pháp quyền” là một tư tưởng rất đặc sắc của Hồ Chí Minh, chứng tỏ Người đã thấy tầm quan trọng của một nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật.



Trước tình hình, nhiệm vụ cách mạng hiện nay, cần tiếp tục nghiên cứu, vận dụng và phát triển tư tưởng thượng tôn pháp luật về xây dựng và quản lý đất nước. Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam, toàn Đảng, toàn dân ta cần tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời, chủ động đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ tư tưởng Hồ Chí Minh, làm cho tư tưởng của Người mãi được toả sáng trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, góp phần vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

### Tài liệu tham khảo

- [1] L. V. Anh & H. T. M. Hoa (2016), *Quan hệ quốc tế thời hiện đại*, Nxb Đại học Huế.
- [2] V. H. Anh (2008), *Bàn về lập hiến*, truy cập tại địa chỉ: <http://quochoi.vn/tulieuquochoi/anpham/Pages/anpham.aspx?AnPhamItemID=34>, ngày 10/9/2021.
- [3] M. V. Bộ (2011), *Con đường vạn dặm của Hồ Chí Minh*, Nxb Trẻ.
- [4] M. Châu (2018), *Hiến pháp 1946 – Đạo luật cơ bản đầu tiên của Nhà nước Việt Nam mới với chính thể Dân chủ Cộng hòa*, truy cập tại địa chỉ: <https://tcnn.vn/news/detail/41456/Hien-phap-1946-%E2%80%93-Dao-luat-co-ban-dau-tien-cua-Nha-nuoc-Viet-Nam-moi-voi-chinh-the-Dan-chu-Cong-hoa.html>, ngày 26/9/2021.
- [5] T. Hân (2017), *Nhìn lại Bản “Yêu sách của nhân dân An Nam” đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam*, truy cập tại địa chỉ: [http://enews.agu.edu.vn/index.php?option=com\\_content&view=article&id=18892&Itemid=127](http://enews.agu.edu.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=18892&Itemid=127), ngày 9/9/2021.
- [6] L. H. Hiệp (2017), *Chương trình “Mười bốn điểm” của Tổng thống Wilson*, truy cập tại địa chỉ: <http://nghiencuuquocte.org/2014/09/30/14-diem-wilson/>, ngày 26/8/2021.
- [7] N. Đ. Lộc (2005), “Bàn về lập hiến”, *Nghiên cứu Lập pháp*, số 5(52).
- [8] H. C. Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [9] H. C. Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [10] T. V. Nghĩa (2012), “Tìm hiểu về sự kiện Nguyễn Ái Quốc gửi Bản Yêu sách của nhân dân An Nam đến Hội nghị Véc Xây năm 1919”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, Số 3.
11. N. Đ. Thống (2016), *Trí thức Việt Nam trong tiến trình giải phóng dân tộc nửa đầu thế kỷ XX (1900 – 1945)*, Nxb Văn hoá – Văn nghệ.